

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÒNG SẠCH MINH CƯỜNG
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÒNG SẠCH MINH CƯỜNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MINH CUONG CLEANROOM JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: MCR JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108116994

3. Ngày thành lập: 03/01/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số B6, Khu nhà ở 18-4 số 134 đường Thanh Bình, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0243.78.78.722

Fax: 02433.678.346

Email: minhcuongcr@gmail.com

Website: phongsachminhcuong.com

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Bán buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác; Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản	4620
2.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ dược phẩm, dụng cụ y tế trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh.	4772
3.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
4.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu Chi tiết: Sản xuất thuốc các loại; Sản xuất hóa dược và dược liệu	2100
5.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
6.	Sao chép bản ghi các loại	1820
7.	Sản xuất than cốc	1910
8.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
9.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
10.	Chuẩn bị mặt bằng (Không bao gồm nổ mìn và các hoạt động tương tự trong xây dựng)	4312

11.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn cao su; bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép; bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại;	4669
12.	Sản xuất đường	1072
13.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
14.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
15.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
16.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
17.	Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì	1702
18.	In ấn	1811
19.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
20.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
21.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
22.	Sản xuất thuỷ tinh và sản phẩm từ thuỷ tinh	2310
23.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
24.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
25.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
26.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thể điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
27.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
28.	Tái chế phế liệu	3830
29.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
30.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
31.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
32.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
33.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
34.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ quặng uranium và thorium)	4662
35.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Lắp đặt hệ thống thiết bị nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như : + Thang máy, cầu thang tự động, + Các loại cửa tự động, + Hệ thống đèn chiếu sáng, + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh, + Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí.	4329
36.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động môi giới thương mại, sắp xếp có mục đích và bán ở mức nhỏ và trung bình, bao gồm cả thực hành chuyên môn, không kể môi giới bất động sản; Tư vấn về môi trường.	7490

37.	Cho thuê xe có động cơ	7710
38.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730
39.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
40.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; xi măng; gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; kính xây dựng; sơn, vécni; gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; đồ ngũ kim	4663
41.	Bán buôn thực phẩm	4632
42.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
43.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
44.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
45.	Quảng cáo	7310
46.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
47.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Trang trí nội thất (Không bao gồm thiết kế có chứng chỉ hành nghề)	7410
48.	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác	8129
49.	Dịch vụ đóng gói	8292
50.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Các khóa dạy về phê bình đánh giá chuyên môn; Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; Đào tạo về sự sống; Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)	8559
51.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
52.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
53.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
54.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
55.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
56.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện Chi tiết: Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ	1629
57.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
58.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
59.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng Chi tiết: Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa	3250
60.	Phá dỡ	4311

61.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh (Đối với ngành nghề có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ được hoạt động sản xuất, kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	4752
62.	Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế	1920
63.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất các thiết bị văn phòng bằng kim loại, trừ đồ đạc; - Sản xuất cửa an toàn, két, cửa bọc sắt... - Sản xuất hộp kim loại đựng thức ăn, hộp và ống tuýp có thể gập lại được	2599
64.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
65.	Sản xuất kim loại màu và kim loại quý	2420
66.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
67.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
68.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
69.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
70.	Xây dựng công trình công ích	4220
71.	Lập trình máy vi tính	6201
72.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
73.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
74.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: + Xây dựng nền móng của toà nhà, gồm đóng cọc, + Thử độ ẩm và các công việc thử nước, + Chống ẩm các toà nhà, + Chôn chân trụ, + Dỡ bỏ các phần thép không tự sản xuất, + Uốn thép, + Xây gạch và đặt đá, + Lợp mái bao phủ toà nhà, + Dụng giàn giáo và các công việc tạo dựng mặt bằng bằng dỡ bỏ hoặc phá huỷ các công trình xây dựng trừ việc thuê giàn giáo và mặt bằng.	4390
75.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
76.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
77.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); máy móc, thiết bị y tế	4659
78.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu Chi tiết: Trồng cây dược liệu	0128

79.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
80.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
81.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
82.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
83.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
84.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
85.	Đúc sắt, thép	2431
86.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
87.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
88.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh	0118
89.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
90.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
91.	Bán buôn gạo	4631
92.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
93.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự.	4649
94.	Bốc xếp hàng hóa (Trừ loại Nhà nước cấm)	5224
95.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
96.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Hoạt động kiến trúc; Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác.	7110
97.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh(Trừ loại Nhà nước cấm)	8299
98.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
99.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
100.	Xây dựng nhà các loại	4100(Chính)
101.	Trồng cây lấy sợi	0116
102.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
103.	Trồng lúa	0111
104.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
105.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
106.	Trồng cây mía	0114
107.	Trồng rừng và chăm sóc rừng	0210

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MINH CƯỜNG	Lô CN-2 Khu Công nghiệp Phú Nghĩa, Xã Phú Nghĩa, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	350.000	3.500.000.000	70,000	0104710854	
			Tổng số	350.000	3.500.000.000	70,000		
2	NGUYỄN DANH MINH	Số B6, Khu nhà ở 18-4 số 134 đường Thanh Bình, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	125.000	1.250.000.000	25,000	001082025496	
			Tổng số	125.000	1.250.000.000	25,000		
3	NGUYỄN DOÃN LỢI	Phòng 2520 - CT12C Khu đô thị Kim Văn - Kim Lũ, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	25.000	250.000.000	5,000	111654458	
			Tổng số	25.000	250.000.000	5,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: 17/02/1982

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 001082025496

Ngày cấp: 01/12/2017

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số B6, Khu nhà ở 18-4 số 134 đường Thanh Bình, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: Số B6, Khu nhà ở 18-4 số 134 đường Thanh Bình, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội